

Số: 147 /NQ-HĐND

Than Uyên, ngày 27 tháng 7 năm 2024

### NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh một số nội dung thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (thuộc kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia); Phân bổ, bổ sung và điều chỉnh dự toán ngân sách huyện, xã để thực hiện các chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2024**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1718/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 55/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND huyện Than Uyên phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các chế độ chính sách năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Than Uyên phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 08/5/2024 của HĐND huyện Than Uyên phân bổ, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục

tiêu quốc gia, các chế độ chính sách, nhiệm vụ phát sinh và điều chỉnh dự toán năm 2024;

Xét Tờ trình số 2338/TTr-UBND ngày 01/7/2024 của UBND huyện về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh một số nội dung thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (thuộc kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia); Phân bổ, bổ sung và điều chỉnh dự toán ngân sách huyện, xã để thực hiện các chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 138/BC-HĐND ngày 11/7/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Điều chỉnh một số nội dung thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (thuộc kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia); Phân bổ, bổ sung và điều chỉnh dự toán ngân sách huyện, xã để thực hiện các chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2024, cụ thể như sau:

I. Phân bổ, bổ sung và điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2024

1. Phân bổ, bổ sung kinh phí trợ cấp 1 lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn: 70.749.000 đồng.

*(Chi tiết tại phụ biểu số 01 kèm theo)*

2. Điều chỉnh (giảm, tăng) dự toán kinh phí thực hiện chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh giữa các xã năm 2024: 307.880.000 đồng.

*(Chi tiết tại phụ biểu số 02 kèm theo)*

3. Điều chỉnh (giảm, tăng) dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong xã năm 2024: 60.000.000 đồng.

*(Chi tiết tại phụ biểu số 03 kèm theo)*

4. Điều chỉnh (giảm, tăng) dự toán kinh phí thực hiện chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh giữa các cơ quan, đơn vị khối huyện năm 2024: 1.300.000.000 đồng.

*(Chi tiết tại phụ biểu số 04 kèm theo)*

II. Điều chỉnh kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 4.728.000.000 đồng.

*(Chi tiết tại phụ biểu số 05 kèm theo)*

2. Nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 2.813.050.000 đồng (theo Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 08/5/2024 của HĐND huyện).

*(Chi tiết tại phụ biểu số 06 kèm theo)*

3. Điều chỉnh một số nội dung, dự án thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023: 2.788.580.000 đồng (theo Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND huyện)  
(Chi tiết tại phụ biểu số 07 kèm theo)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Than Uyên khóa XXI, kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh
- Thường trực Huyện ủy;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH

**CHỦ TỊCH**



**Lò Văn Hương**

**BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ, BỔ SUNG KINH PHÍ  
TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH VÀ CHUYỂN NGUỒN NĂM 2024**

*(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ -HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND huyện Than Uyên)*

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<u>0</u>	<u>70.749.000</u>	
I	Nguồn kinh phí dự toán năm 2024	<u>70.749.000</u>	
2	Nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội được giao tại Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND huyện Than Uyên về việc chuyển nguồn số dư dự toán niên độ ngân sách năm 2023 sang năm 2024 huyện Than Uyên	70.749.000	
	Kinh phí trợ cấp 1 lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn	70.749.000	Trường THCS xã Tà Hừa



## ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN GIỮA CÁC XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số đã giao tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A	B	l	2	3	4=(1-2+3)	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.928.183.000</b>	<b>307.880.000</b>	<b>307.880.000</b>	<b>1.928.183.000</b>	
<b>I</b>	<b>Điều chỉnh dự toán giữa các xã</b>	<b>294.845.000</b>	<b>42.800.000</b>	<b>42.800.000</b>	<b>294.845.000</b>	
<b>1</b>	<b>UBND xã Phúc Than</b>	<b>31.400.000</b>	<b>1.800.000</b>	<b>-</b>	<b>29.600.000</b>	
	Kinh phí hỗ trợ đảng viên theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu	31.400.000	1.800.000		29.600.000	01 đối tượng tăng mức tuổi đảng từ 50 năm lên 55 năm tuổi đảng
<b>2</b>	<b>UBND xã Mường Cang</b>	<b>14.400.000</b>	<b>-</b>	<b>1.800.000</b>	<b>16.200.000</b>	
	Kinh phí hỗ trợ đảng viên theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu	14.400.000		1.800.000	16.200.000	
<b>3</b>	<b>UBND xã Pha Mu</b>	<b>141.000.000</b>	<b>41.000.000</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000</b>	Căn cứ Biên bản ghi nhớ cuộc họp ngày 04/11/2020 giữ huyện Than Uyên với Trung tâm hỗ trợ phát triển vì phụ nữ và trẻ em (DW) phần ngân sách huyện đối ứng khoảng 50 triệu đồng/bản
	Kinh phí thực hiện đối ứng Inkota	141.000.000	41.000.000		100.000.000	
<b>4</b>	<b>UBND xã Mường Kim</b>	<b>108.045.000</b>	<b>-</b>	<b>41.000.000</b>	<b>149.045.000</b>	Công văn số 04/CV/DCW/2024 ngày 16/4/2024 của Trung tâm hỗ trợ phát triển vì phụ nữ và trẻ em về giải ngân KP đối ứng năm 2024 để thực hiện thực hiện dự án tại huyện Than Uyên - Lai Châu do tổ chức Inkota tài trợ

Số TT	Nội dung	Số đã giao tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A	B	I	2	3	4=(1-2+3)	5
	Kinh phí thực hiện đối ứng Inkota	108.045.000		41.000.000	149.045.000	Công văn số 04/CV/DCW/2024 ngày 16/4/2024 của Trung tâm hỗ trợ phát triển vì phụ nữ và trẻ em về giải ngân KP đối ứng năm 2024 để thực hiện thực hiện dự án tại huyện Than Uyên - Lai Châu do tổ chức Inkota tài trợ
<b>II</b>	<b>Điều chỉnh dự toán giữa các xã Về BCH Quân sự</b>	<b>1.633.338.000</b>	<b>265.080.000</b>	<b>265.080.000</b>	<b>1.633.338.000</b>	
<b>1</b>	<b>Chỉ huấn luyện dân quân tự vệ, hỗ trợ quốc phòng địa phương</b>	<b>1.250.630.000</b>	<b>265.080.000</b>	<b>265.080.000</b>	<b>985.550.000</b>	
	UBND TT Than Uyên	108.375.000	22.425.000		85.950.000	Kế hoạch số 16/KH-BCH ngày 19/2/2024 của Ban Chỉ huy quân sự huyện Than Uyên về huấn luyện chiến sỹ Dân quân tự vệ nă m 2024
	UBND xã Mường Cang	96.690.000	3.000.000		93.690.000	
	UBND xã Mường Than	135.675.000	54.795.000		80.880.000	
	UBND xã Mường Kim	147.030.000	39.585.000		107.445.000	
	UBND xã Phúc Than	123.625.000	16.380.000		107.245.000	
	UBND xã Ta Gia	99.220.000	9.555.000		89.665.000	
	UBND xã Khoen On	97.655.000	10.920.000		86.735.000	
	UBND xã Pha Mu	82.805.000	28.860.000		53.945.000	
	UBND xã Tà Hừa	87.500.000	14.820.000		72.680.000	



Số TT	Nội dung	Số đã giao tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A	B	I	2	3	$4=(1-2+3)$	5
	UBND xã Mường Mít	84.370.000	24.180.000		60.190.000	
	UBND xã Hua Nà	88.465.000	28.275.000		60.190.000	
	UBND xã Tà Mung	99.220.000	12.285.000		86.935.000	
2	<b>Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp dân quân tự vệ theo Nghị định số 72/NĐ-CP</b>	<b>382.708.000</b>	-	<b>265.080.000</b>	<b>647.788.000</b>	
	Ban Chỉ huy quân sự huyện	382.708.000		265.080.000	647.788.000	





Biểu số 03

### ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CHI TRONG XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 14 /NQ -HĐND ngày 24 /7/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số đã giao tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 8/5/2024	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A	B	1	2	3	$4=(1-2+3)$	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>120.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Điều chỉnh nội dung trong xã</b>	<b>120.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	
	<b>UBND xã Ta Gia</b>	<b>120.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	-	<b>60.000.000</b>	
	Kinh phí hỗ trợ khảo sát và hỗ trợ 04 gia đình dân tộc Thái bản Cùng làm Homestay	120.000.000	60.000.000		60.000.000	
	Hỗ trợ xã Ta Gia phát triển Du lịch theo Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 06/10/2020 của Huyện ủy			60.000.000	60.000.000	







**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN GIỮA CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số đã giao tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A	B	I	2	3	4=(1-2+3)	5
<b>I</b>	<b>Điều chỉnh dự toán giữa các cơ quan đơn vị</b>	<b>1.579.928.000</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>1.579.928.000</b>	
1	Văn phòng HĐND và UBND + Các cơ quan ban ngành của huyện	1.579.928.000	1.300.000.000	105.600.000	385.528.000	
	Các nhiệm vụ phát sinh	1.579.928.000	1.300.000.000		279.928.000	
	Kinh phí BCD kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024			30.000.000	30.000.000	
	Kinh phí hỗ trợ học sinh khó khăn tham gia kỳ thi tốt nghiệp năm 2024			75.600.000	75.600.000	
2	Thanh tra huyện			17.696.000	17.696.000	
	Kinh phí trích lại 30% từ các khoản thu hồi phát hiện sau thanh tra năm 2023			17.696.000	17.696.000	Số tiền nộp vào NSNN thu được qua Thanh tra năm 2023: 58,985 triệu đồng *30%
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX			14.225.000	14.225.000	
	Kinh phí truy lĩnh phụ cấp thâm niên nghề giáo			14.225.000	14.225.000	
4	Phòng Văn hóa & Thông tin			130.000.000	130.000.000	

Số TT	Nội dung	Số đã giao tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A	B	I	2	3	4=(1-2+3)	5
	Kinh phí hỗ trợ cho các Ban vận động Bảo tồn Văn hóa các dân tộc Thái, Mông, Dao, Khơ Mú tổ chức các hoạt động hưởng ứng chào năm mới năm 2024			70.000.000	70.000.000	
	Kinh phí tổ chức lớp tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm nâng cao nhận thức về Du lịch cho các xã, thị trấn năm 2024			60.000.000	60.000.000	
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch			35.000.000	35.000.000	
	Kinh phí in ấn, phôtô tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ các đoàn thành tra, kiểm tra; điều chỉnh quyết toán năm 2022, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và các nhiệm vụ phát sinh năm 2024			35.000.000	35.000.000	
6	Huyện ủy huyện Than Uyên			297.479.000	297.479.000	
	Kinh phí phụ cấp phục vụ cấp ủy; Hội nghị gặp mặt tuyên truyền, trao đổi nghiệp vụ với các thôn bản; kinh phí tăng lương trước thời hạn và các nhiệm vụ phát sinh			297.479.000	297.479.000	
7	Kinh phí hỗ trợ giới thiệu, quản bá sản phẩm địa phương trưng bày sản phẩm tại sự kiện chào năm mới năm 2024			60.000.000	60.000.000	
	UBND Thị trấn Than Uyên			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Mường Cang			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Mường Than			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Mường Kim			5.000.000	5.000.000	



Số TT	Nội dung	Số đã giao tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A		1	2	3	$4=(1-2+3)$	5
	UBND xã Ta Gia			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Phúc Than			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Pha Mu			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Tà Hừa			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Mường Mít			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Khoen On			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Hua Nà			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Tà Mung			5.000.000	5.000.000	
8	Kinh phí hỗ trợ BCD Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 22/12/2023 (gồm 12 xã và BCD huyện)			90.000.000	90.000.000	
	UBND Thị trấn Than Uyên			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Mường Cang			5.000.000	5.000.000	

Số TT	Nội dung	Số đã giao tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A	B	1	2	3	4=(1-2+3)	5
	UBND xã Mường Than			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Mường Kim			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Ta Gia			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Phúc Than			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Pha Mu			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Tà Hừa			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Mường Mít			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Khoen On			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Hua Nà			5.000.000	5.000.000	
	UBND xã Tà Mung			5.000.000	5.000.000	
	Phòng Văn hóa và Thông tin			30.000.000	30.000.000	





Số TT	Nội dung	Số đã giao tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A	B	1	2	3	4=(1-2+3)	5
9	UBND xã Tà Mung			40.000.000	40.000.000	
	Kinh phí công nhận, bảo tồn cây Du sam			40.000.000	40.000.000	
10	UBND Thị trấn Than Uyên			450.000.000	450.000.000	
	Nâng cấp sửa chữa Led phố đi bộ Than Uyên (Led ngoài trời XQĐ)			450.000.000	450.000.000	
11	UBND xã Ta Gia			60.000.000	60.000.000	
	Hỗ trợ xã Ta Gia phát triển Du lịch theo Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 06/10/2020 của Huyện ủy			60.000.000	60.000.000	





Biểu số 05

**ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 08/5/2024 của HĐND huyện Than Uyên			Điều chỉnh		Số sau điều chỉnh		Ghi chú
		Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2024	Đơn vị thực hiện	Giảm	Tăng	Kế hoạch vốn năm 2024	Đơn vị thực hiện	
					2	3			
A	B	C	I						
	<b>Tổng cộng</b>		4.728.000.000		4.728.000.000	4.728.000.000	4.728.000.000		
I	<b>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo</b>		4.278.000.000		4.278.000.000	4.278.000.000	4.278.000.000		
1	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò sinh sản	Hỗ trợ mua giống bò sinh sản tại các xã: Tà Hừa; Tà Mung; Khoen On	2.078.000.000	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	2.078.000.000		-		
2	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị (trồng cây ăn quả)	Trồng khoảng 25 ha cây ăn quả tại một số xã: Khoen On, Tà Hừa, Tà Mung, Pha Mu và các xã lân cận	2.200.000.000		2.200.000.000		-		
3	Hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò sinh sản	Hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò sinh sản tại các xã: Tà Hừa, Tà Mung, Khoen On.				4.278.000.000	4.278.000.000	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	
II	<b>Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình</b>		450.000.000		450.000.000	450.000.000	450.000.000		
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tập huấn về công tác giảm nghèo cho cán bộ là Trưởng (phó) thôn bản, chi hội trưởng phụ nữ, Đoàn Thanh niên 12 xã, thị trấn	450.000.000	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	450.000.000		-		





Tiêu đề an 1: Nâng cao năng lực thực hiện  
Chương trình

Tổ chức các lớp tập huấn cho đội ngũ  
cán bộ làm công tác giảm nghèo từ  
huyện đến xã, thị trấn, thôn bản, khu  
dân cư; Tổ chức trao đổi kinh nghiệm  
về công tác giảm nghèo trong nước; tổ chức  
hội nghị và các hoạt động khác về  
công tác giảm nghèo tại các địa  
phương

450.000.000

450.000.000

Phòng Lao động  
Thương binh và Xã  
hội





**ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN  
HUYỆN THAN UYÊN NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 147 /NQ-HĐND ngày 17 /7/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung thực hiện	Tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 08/5/2024 của HĐND huyện Than Uyên			Sau điều chỉnh			Ghi chú
		Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn thực hiện năm 2024	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)	Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn thực hiện năm 2024	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.813.050.000</b>			<b>2.813.050.000</b>		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		550.000.000			550.000.000		
I	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (mua máy móc nông cụ)	Máy cày, bừa tại 9 xã (Pha Mu, Tà Hừa, Mường Than, Mường Mít, Tà Mung, PhúcThan; Mường Cang, Ta Gia, Khoen On)	550.000.000	Phòng Dân tộc	Máy cày, bừa tại 10 xã (Pha Mu; Tà Hừa; Mường Kim, Mường Than, Mường Mít, Tà Mung, Phúc Than, Khoen On, Mường Cang, Ta Gia)	550.000.000	Phòng Dân tộc	Trong quá trình rà soát tổng hợp thiếu xã Mường Kim
II	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		1.261.000.000			1.261.000.000		
	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN		1.261.000.000	Phòng Nội vụ	Bồi dưỡng Tiếng dân tộc thiểu số	1.261.000.000	Phòng Nội vụ	Căn cứ theo Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về lựa chọn các tiếng dân tộc thiểu số bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Lai Châu
	Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	1.261.000.000			1.261.000.000		
III	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch		379.050.000			379.050.000		
	Nội dung số 05: Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể	Tổ chức truyền dạy văn hóa phi vật thể nghệ thuật trình diễn văn hóa dân tộc Mông (01 lớp), dân tộc Thái (01 lớp)	319.050.000	Phòng Văn hóa và Thông tin	Nội dung số 13: Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS	319.050.000	Trung Tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	Căn cứ theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh Lai Châu nội dung số 05 chi được thực hiện tại cấp tỉnh
	Nội dung số 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN.	Bản Ít xã Mường Mít	30.000.000	UBND xã Mường Mít	Bản Huổi Bắc xã Pha Mu	30.000.000	UBND xã Pha Mu	Do 02 nhà văn hoá Bản Ít, bản Vẻ xã Mường Mít đã được giao dự toán đầu năm tại Quyết định 4508/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Than Uyên từ nguồn Chương trình Nông thôn mới





	Nội dung số 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN	Bản Vè xã Mường Mít	30.000.000	UBND xã Mường Mít	Bản Pu Cay xã Pha Mu	30.000.000	UBND xã Pha Mu	Do 02 nhà văn hoá Bản Ít, bản Vè xã Mường Mít đã được giao dự toán đầu năm tại Quyết định 4508/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Thanh Uyên từ nguồn Chương trình Nông thôn mới
IV	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		251.000.000			251.000.000		
	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; 'Duy trì và triển khai, nhân rộng mô hình tại các xã/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách	251.000.000	Phòng Dân tộc	Công tác truyền thông; Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông; Tổ chức các hội nghị nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 'Duy trì và triển khai, nhân rộng mô hình tại các xã/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao	251.000.000	Phòng Dân tộc	Căn cứ theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh Lai Châu
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		372.000.000			372.000.000		
	Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín	Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến; Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh	172.000.000	Phòng Dân tộc	Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến; Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh; các hội nghị cung cấp thông tin; tham quan, học tập kinh học tập kinh nghiệm	172.000.000	Phòng Dân tộc	Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc
	Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.	Tổ chức các hội nghị tại 11 xã trên địa bàn huyện	200.000.000	Phòng Tư pháp	Tổ chức hội nghị tuyên truyền tại các xã trên địa bàn huyện. Hội thi Tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc	200.000.000	Phòng Tư pháp	Thực hiện các nội dung theo Kế hoạch số 1710/KH-UBND ngày 09/5/2024 của UBND tỉnh Lai Châu.





Biểu số: 07

ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG MỘT SỐ DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN HUYỆN THAN UYÊN NĂM 2024 (NGUỒN CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM 2023 SANG NĂM 2024)

(Kèm theo Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

TT	Tên dự án	Tại Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND huyện Than Uyên			Sau điều chỉnh			Ghi chú
		Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2023	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2023	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)	
1	2	3			4	5	6	7
	<b>Tổng cộng</b>		2.788.580.000			2.788.580.000		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		1.221.000.000			1.221.000.000		
	Dự án 1, Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Bồn chứa nước tại 09 xã (Pha Mu, Tà Hĩa, Mường Than, Mường Kim, Phúc Than, Khoen On, Mường Mít, Tà Gia, Hua Nà)	1.221.000.000	Phòng Dân tộc	Bồn chứa nước tại 09 xã (Pha Mu, Tà Hĩa, Mường Than, Mường Kim, Phúc Than, Khoen On, Mường Mít, Tà Gia, Hua Nà)	289.627.000	Phòng Dân tộc	Qua 03 năm thực hiện Dự án, không còn đối tượng thực hiện do các đối tượng đăng ký ban đầu đã được sử dụng nước sinh hoạt tập trung.
					Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	931.373.000		
II	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		739.000.000			739.000.000		
	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN		739.000.000			739.000.000		
	Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	739.000.000	Phòng Nội vụ	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	363.929.020	Phòng Nội vụ	Căn cứ theo Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về lựa chọn các tiếng dân tộc thiểu số bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Lai Châu
					Bồi dưỡng Tiếng dân tộc thiểu số	375.070.980		
III	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch		828.580.000			828.580.000		
I	Nội dung 6: Hỗ trợ chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể (Dân tộc Khơ Mú huyện Than Uyên)	Hỗ trợ chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể (Dân tộc Khơ Mú huyện Than Uyên)	527.180.000	Trung Tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	Hỗ trợ chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể (Dân tộc Mông huyện Than Uyên)	527.180.000	Trung Tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	Văn hóa phi vật thể dân tộc Khơ Mú đã bị thất truyền khó có khả năng phục dựng vì những người am hiểu không còn; một số nội dung trùng lặp với chương trình, đề án khác như: Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 06/10/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên; Chương trình nông thôn mới.





Nội dung 8: Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian (Xây dựng CLB dân ca dân vũ dân tộc Khơ Mú huyện Thanh Uyên)	Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian (Xây dựng CLB dân ca dân vũ dân tộc Khơ Mú huyện Thanh Uyên)	301.400.000	Trung Tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian dân tộc Thái và dân tộc Mông huyện Thanh Uyên	301.400.000	Trung Tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	Văn hóa phi vật thể dân tộc Khơ Mú đã bị thất truyền khó có khả năng phục dựng vì những người am hiểu không còn; một số nội dung trùng lặp với chương trình, đề án khác như: Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 06/10/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thanh Uyên; Chương trình nông thôn mới.
---	---	-------------	---	--	-------------	---	--